

THƠ CỦA VUA TỰ ĐỨC VIẾT VỀ SÔNG LỢI NÔNG (AN CỰU)

Phan Đăng*

Sông An Cựu là một nhánh của Sông Hương, khởi từ cửa ngang cồn Dã Viên, chảy theo hướng đông nam, gần 30km rồi đổ vào phá Hà Trung. Sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Lê Quang Định viết vào năm 1806 có đoạn:

“300 tầm (từ trước mặt thành)... đến sông Phủ Cam. Sông này rộng 25 tầm, nước sâu 2 thước.^(**) Phía trái sông Hương có một nhánh gọi là sông Phủ Cam, rộng 25 tầm, sâu 2 thước. 45 tầm đến cầu Quán Tây, cầu do nhà nước mới làm. 358 tầm, sông ở đây rộng 12 tầm, sâu 2 thước 5 tấc, thì đến cầu Phủ Cam, cầu này cũng do nhà nước mới làm, bên trái của cầu này có chợ, tục gọi là chợ Phủ Cam. 774 tầm, sông ở đây rộng 12 tầm, sâu 3 thước, đến cầu An Cựu cũng do nhà nước mới làm.^(***) 880 tầm, sông ở đây rộng 8 tầm, sâu 3 thước, bên trái có chợ, tục gọi là chợ An Cựu, giáp với xã Thanh Toàn thuộc huyện Phú Vang. 3.900 tầm, sông ở đây rộng 5 tầm, sâu 1 thước, phía bên phải có một nhánh thông đến xã Thần Phù, tục gọi là chợ Khe Vực. Phía bên phải cũng có một nhánh thông ra ruộng đồng xã Thần Phù cho đến cửa cống Thần Phù, cống dài 2 tầm, tục gọi là Cống Quan, rồi chảy ngang sang sông Lương Lộc. 71 tầm, sông ở đây rộng 10 tầm, sâu 1,5 thước, thông ra sông Lương Lộc rồi hợp lưu với sông lớn.⁽¹⁾

Ngoài danh xưng An Cựu, Phủ Cam, con sông này còn có nhiều tên gọi khác như Đại Giang, Hà Tự, Cống Quan..., cứ chảy qua mỗi vùng sông lại có thêm một tên mới, đến nay thì An Cựu là tên gọi thông dụng nhất. Đến năm 1814 thời Gia Long, sông được triều đình cho khai thông, khiến dòng chảy sâu rộng thêm, ruộng đồng được thau chua rửa mặn, người dân quanh vùng không những tránh được lụt lội mà còn được mùa, sung túc. Đến năm 1821, vua Minh Mạng tiếp tục cho đào sâu, mở rộng, hiệu quả của con sông này ngày càng thấy rõ, đồng thời nhà vua cho cải tên sông thành sông Lợi Nông,⁽²⁾ đúng như công dụng của nó. Năm 1830, vua Minh Mạng lại cho thay 14 cống gỗ ở hai bên bờ bằng cống đá.⁽³⁾ Năm 1837, nhà

* Thành phố Huế.

** Tầm: Đơn vị đo khoảng cách thời cổ. Theo *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (Phạm lệ), 1 tầm = 5 thước. Đầu thời Nguyễn quy định thước đo độ dài (còn gọi là thước Kinh) 1 thước ≈ 0,424m, suy ra 1 tầm ≈ 2,12m. BBT.

*** Chú ý: Những chiếc cầu mô tả trong đoạn văn này là cầu nằm trên con đường Thiên lý chạy dọc hữu ngạn sông An Cựu, chứ không phải là cầu bắc qua sông An Cựu. BBT.

vua lại còn cho khắc hình sông Lợi Nông lên Chương đình, một trong Cửu đình đặt trước Thế Miếu, với ý giới thiệu sản vật, núi sông tiêu biểu của đất nước.

Qua một số tư liệu hiện còn, người đời sau đã thấy rõ cách nhìn nhận, trách nhiệm và tấm lòng của các vị vua nhà Nguyễn trong việc chăm lo đời sống của dân, đó là việc đào vét sông ngòi tạo dòng chảy vừa để cứu hạn, thoát lũ, vừa góp phần xây dựng hệ thống giao thông tiện lợi của một đất nước thuần nông nghiệp, mặt khác còn tạo vẻ đẹp cho đất kinh kỳ, có sông có núi, có ruộng đồng xanh tốt, dân chúng an hòa... Cũng trong các tư liệu này, nhất là trong các tác phẩm *Ngự chế*, tình cảm của các vị vua đầu đời Nguyễn dành cho người dân đã được thể hiện một cách sâu sắc. Các vị vua như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... đã viết về cuộc sống, xã hội và con người với một tấm lòng thiết tha, đau đáu với trách nhiệm mưu cầu sự ấm no hạnh phúc cho trăm họ.

Sông An Cựu không phải ngẫu nhiên mà được đổi tên thành sông Lợi Nông dưới thời Minh Mạng, điều đó cho thấy nhà vua đã đưa vấn đề dân sinh lên hàng đầu. Trong suy nghĩ của nhà vua, con sông không chỉ là dòng chảy bình thường như quy luật của tự nhiên mà là cơm áo của nhân dân, đó là cách nhìn của một ông vua, người đứng đầu của một đất nước. Trải qua các triều, sông Lợi Nông còn được đào vét, thông dòng và còn đi vào thi ca “ngự chế”. Các vị vua đầu triều Nguyễn đã xem sông Lợi Nông là một đề tài đầy cảm xúc cho nhà thơ, ở mỗi người, mỗi lúc khác nhau, cảm xúc ấy được diễn đạt cũng khác nhau. Ai cũng biết, Tự Đức là vị vua ngồi trên ngai triều Nguyễn lâu nhất (1848-1883), chứng kiến và giải quyết nhiều tình huống của đất nước cũng phức tạp nhất, và ông cũng tham gia viết, đề lại cho đời sau một khối lượng trước tác đồ sộ nhất trong số các vua nhà Nguyễn. Trong đó, số tác phẩm thuộc loại sáng tác như *Ngự chế thi*, *Ngự chế văn*... đã có một vị trí đặc biệt, bởi vì tác phẩm vừa nhiều, vừa phong phú về chất, về lượng và cả về đề tài nữa. Những bài thơ của vua Tự Đức viết về sông Lợi Nông được tìm thấy trong *Ngự chế thi nhị tập*, bộ này gồm nhiều quyển, trong đó có những bài như sau:

1. Bài *Lợi Nông Hà dạ phiếm*, bài thứ 19 trong quyển 3.
2. Bài *Lợi Nông Hà*, bài thứ 13 trong quyển 4.
3. Bài *Lợi Nông dạ bạc*, bài thứ 11 trong quyển 5.

Trong thơ, vua Tự Đức đã thể hiện tình cảm của một nhà thơ với kiếp sống của con người, họ phải gánh chịu nhiều sức ép, như thời tiết, công việc... Rồi với tư cách là một người đứng đầu trăm họ, nhà vua đã chặng tính toán sự hao tổn, chỉ biết làm sao đem đến cuộc sống ấm no cho muôn dân. Ông viết:

*Thiên kim mi tích khởi hà công
Tống lỗ nghinh cam quán khái sung
Thủy hạn chư phương tân cáo khiêm
Hạ thu thị xứ lỗ ca phong*

(Bài Lợi Nông Hà)

(Nào tiếc ngàn vàng việc mở sông
Mặn đi ngọt đến tưới đầy đồng
Nhiều nơi hạn lụt đang cơ cực
Lắm chỗ hè thu hát tụng phong)

Nhà vua còn ý tứ là cho thuyền đi nhẹ trên sông, không làm kinh động đến giấc ngủ của cả loài vật, nghe tiếng trâu thở mùa hạn cũng động lòng thương xót. Chỉ một niềm cầu mong sao được phong hòa vũ thuận để mùa màng bội thu, lúa má tốt tươi:

*Tích bất kinh miên khuyến
Tâm do hệ suyễn ngư
Nguyên phùng cam chú phổ
Xuân giá lục vân trừ*

(Bài Lợi Nông Hà dạ phẩm)

(Thuyền đi chớ vãn ngủ
Lòng bận tiếng trâu hen
Mong gặp mưa rưới khắp
Mạ xuân biếc mây chen)

Trong một đêm đi thuyền trên sông Lợi Nông, nhà vua chợt nghĩ, sông Lợi Nông không chỉ để “lợi nông” mà còn điểm tô cho phong cảnh vùng thôn dã quanh kinh thành thêm tráng lệ. Nhà vua hình dung sông thẳng dài như mũi tên, bay vút xuống tận đầm phá, mây đêm thu bàng bạc, cây lá nhòa sương như màn kính, gợi lên cảnh thanh bình, yên ả của một vùng quê. Có lẽ bài thơ được viết khi tác giả đang đêm đi thuyền săn chim, đến nơi, không đành làm kinh động mọi vật mà cứ lặng yên để thưởng thức giây phút hiếm hoi của một con người đầy âu lo và công việc!

*Thí trực thị giang trường
Vân khai dạ sắc lương
Viên lâm mãn thủy kính
Tinh đầu chức thiên chương*

(Bài Lợi Nông dạ bạc)

(Sông thẳng dài tên vút
Mây đêm mát êm ru
Cây nhòa như màn kính
Sao Đẩu dẹt trời thu)

Hay: *Tân nguyệt câu thiên khúc*
Trường giang thí trực lưu
Đê bàng liên chúc dẫn
Trúc lý điểm đăng phù

(Bài Lợi Nông Hà dạ phiếm)

(Trăng non lưỡi câu uốn
Sông thẳng tựa mũi tên
Đuốc sáng đê liền dãy
Trong tre lọt ánh đèn)

Đây là hình ảnh quá hiếm về cảnh vật hai bên bờ sông An Cựu vào một đêm trăng non mới nhú cách đây gần hai thế kỷ. Trăng non mong manh, cong như lưỡi câu, sông dài thẳng tắp như mũi tên, đuốc thấp sáng cảm hai bên bờ, sau lũy tre lấp lánh ánh đèn nhà dân, cảnh thái bình của một con sông quê đầy tình tứ đã đi vào ý thơ của một vị hoàng đế trong một đêm lướt thuyền trên dòng sông ấy.

Cảnh vật đẹp xinh nhưng lòng người vẫn chưa thỏa, nhà vua luôn ý thức về trách nhiệm của mình trước đời sống còn cơ cực của người dân. Nhà thơ muốn làm hết sức mình để nhân dân được no ấm, đây là niềm day dứt được thể hiện trong nhiều bài thơ, nhiều chủ đề khác nhau của nhà vua.

Đọc mấy bài thơ viết về sông An Cựu, người đời sau không những hình dung được dòng sông quen thuộc của người xứ Huế cách đây gần hai thế kỷ, mà phần nào còn giúp chúng ta hiểu được cảm xúc và ước mong của một ông vua thường tỏ ra khổ đau về vai trò và trách nhiệm của mình trước lịch sử và dân tộc.

Dưới đây chúng tôi giới thiệu về 3 bài ấy:

Bài 1:

Nguyên văn:

利農河夜泛

| | |
|-------|-------|
| 新月鉤偏曲 | 迹不驚眠犬 |
| 長江矢直流 | 心猶繫喘牛 |
| 堤旁連屬引 | 願逢甘澍普 |
| 竹裏點燈浮 | 春稼綠雲稠 |

Phiên âm:

Lợi Nông Hà dạ phiếm

| | |
|----------------------------------|----------------------------------|
| <i>Tân nguyệt câu thiên khúc</i> | <i>Tích bất kinh miên khuyển</i> |
| <i>Trường giang thi trực lưu</i> | <i>Tâm do hệ suyễn ngư</i> |
| <i>Đê bàng liên chúc dẫn</i> | <i>Nguyện phùng cam chú phổ</i> |
| <i>Trúc lý điểm đặng phù</i> | <i>Xuân giá lục vân trù</i> |

Dịch nghĩa:

Đêm đi thuyền trên sông Lợi Nông

Trăng non cong như lưỡi câu
 Sông dài chảy thẳng như mũi tên
 Bên đê đuốc sáng liền dãy
 Trong hàng tre thấp thoáng ánh đèn
 Thuyền đi không kinh động chó đang ngủ
 Lòng còn lo khi nghe hơi thở của đàn trâu⁽⁴⁾
 Mong có cơn mưa rưới khắp
 Mạ xuân xanh tốt như mây vằn.

Dịch thơ:

| | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| <i>Trăng non lưỡi câu uốn</i> | <i>Thuyền đi chó vẫn ngủ</i> |
| <i>Sông thẳng tựa mũi tên</i> | <i>Lòng bận tiếng trâu hen</i> |
| <i>Đuốc sáng đê liền dãy</i> | <i>Mong gặp mưa rưới khắp</i> |
| <i>Trong tre lọt ánh đèn</i> | <i>Mạ xuân biếc mây chen</i> |

Bài 2:

Nguyên văn :

利農河

| | |
|---------|---------|
| 千金靡惜起河工 | 鄭渠莫擅三秦富 |
| 送鹵迎甘灌溉充 | 禹迹長留萬世功 |
| 水旱諸方頻告歉 | 屹爾貞珉同景仰 |
| 夏秋是處屢歌豐 | 嘉名不媿表崇鴻 |

Phiên âm:

Lợi Nông Hà

Thiên kim mi tích khởi hà công
Tổng lỗ nghinh cam quán khái sung

*Thủy hạn chư phương tân cáo khiêm
 Hạ thu thị xứ lỗ ca phong
 Trịnh cử mạc thiện tam Tần phú
 Vũ tích trường lưu vạn thế không
 Ngật nhĩ trinh mân đồng cảnh ngưỡng
 Gia danh bất quý biểu sùng hồng*

Dịch nghĩa:

Sông Lợi Nông

Ngàn vàng đâu tiếc việc đào sông này
 Đưa mận đi đón ngọt về tưới đây khắp
 Nạn lụt, hạn nhiều nơi từng kêu mát mùa
 Vụ hè thu nơi đây từng hát bài ca được mùa
 Kênh của nhà Trịnh không làm cho Tần giàu được
 Dầu tích vua Vũ trị thủy để công đức lại đến muôn đời
 Cao vút công ơn người người chiêm ngưỡng
 Tiếng thơm không hổ, thể hiện lòng tôn sùng lớn lao.

Dịch thơ:

*Nào tiếc ngàn vàng việc mở sông
 Mận đi ngọt đến tưới đây đồng
 Nhiều nơi hạn lụt đang cơ cực
 Lắm chỗ hè thu hát tụng phong⁽⁵⁾
 Kênh Trịnh⁽⁶⁾ chưa làm Tần khá được
 Ngăn dòng ắt hẳn Vũ còn công⁽⁷⁾
 Hàm ơn trời biển người hâm mộ
 Chẳng thẹn danh thơm được bái sùng.*

Bài 3:

Nguyên văn:

利農夜泊

| | |
|-------|-------|
| 矢直是江長 | 鳥宿鎗姑服 |
| 雲開夜色涼 | 魚牽餌自香 |
| 園林涵水鏡 | 暫時舒鬱滯 |
| 星斗織天章 | 安敢迪禽荒 |

Phiên âm:

Lợi Nông dạ bạc

*Thỉ trực thị giang trường
Vân khai dạ sắc lương
Viên lâm mãn thủy kính
Tinh đầu chức thiên chương
Điều túc thương cô phục
Ngư khiên nhĩ tự hương
Tạm thời thư uất trệ
An cảm địch cảm hoang.*

Dịch nghĩa:

Đêm đỗ thuyền trên sông Lợi Nông

Sông dài như mũi tên thẳng
Mây trải rộng sắc đêm mát mẻ
Vườn rừng đắm nước như mặt gương
Sao Bắc Đẩu dẹt thêm vẻ đẹp của trời
Chim nép mình sợ súng săn
Cá theo mồi vì có mùi thơm
Tạm thời thư giãn nơi tù đọng
Đâu dám đi theo lũ chim hoang.

Dịch thơ:

*Sông thẳng dài tên vút
Mây đêm mát êm ru
Cây nhòa như màn kính
Sao Đẩu dẹt trời thu
Chim nép mình sợ súng
Mồi thơm cá giăng co
Tạm dừng nơi nước đọng
Đâu dám theo đàn cò.*

Huế, tháng 12/2018

P Đ

CHÚ THÍCH

- (1) Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Phan Đăng dịch, chú thích và giới thiệu, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Đông Tây, Hà Nội, tr. 203-204. Có lẽ đoạn văn này được viết khoảng năm, sáu mươi năm trước khi vua Tự Đức viết ba bài thơ về sông Lợi Nông.
- (2) *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, Q. 7, tờ 13b: 賜名安舊河曰利農河 (Tứ danh An Cựu Hà viết Lợi Nông Hà): *Ban tên sông An Cựu thành sông Lợi Nông*.
- (3) *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, Q. 69, tờ 25b: 砌築利農河兩岸石竇 (原築木倚改砌石竇凡十四所): Thiết trúc Lợi Nông Hà lưỡng ngạn thạch đậu (Nguyên trúc mộc y cải thiết thạch đậu phàm thập tứ sở): *Dựng cống đá ở hai bên bờ sông Lợi Nông (Nguyên làm cống bằng gỗ nay thay bằng đá, gồm 14 cống)*.
- (4) Nguyên chú: *Thời phương vọng vũ cố vân* (辰方望雨故云): Lúc này đang mong mưa nên viết như thế.
- (5) *Tụng phong* (年豐): Tên bài hát mừng năm được mùa.
- (6) Do chữ *Trịnh Cừ* (鄭渠): Tên một con kênh được đào từ thời Chiến Quốc, ngày nay dòng kênh chảy từ phía tây bắc Thiểm Tây qua huyện Kinh Dương, chuyển hướng đông qua 3 huyện Tam Nguyên, Phú Bình và Bồ Thành. Đây cũng là một loại “Lợi nông” thời cổ đại bên Trung Quốc.
- (7) Vua Vũ, còn gọi là Đại Vũ, vị vua đầu của nhà Hạ trong lịch sử cổ đại của Trung Quốc. Tương truyền ông có công trị thủy, giúp nhân dân tránh được lụt lội nên được người đời sau ca tụng.

TÓM TẮT

Sông An Cựu không phải ngẫu nhiên mà được đổi tên thành sông Lợi Nông dưới thời Minh Mạng, điều đó cho thấy rõ cách nhìn nhận, trách nhiệm và tấm lòng của các vị vua nhà Nguyễn qua việc chăm lo đời sống của người dân, đó là việc khơi đào, nạo vét dòng sông vừa để cứu hạn, thoát lũ, vừa phát triển mạng lưới giao thông đường thủy, mặt khác còn tạo nên vẻ đẹp cho vùng đất kinh kỳ... Trên bình diện văn chương, các vị vua đầu triều Nguyễn đã xem sông Lợi Nông là một đề tài đầy cảm xúc cho nhà thơ, ở mỗi người, mỗi lúc khác nhau, cảm xúc ấy cũng được diễn đạt khác nhau. Bài viết này giới thiệu ba bài thơ của vua Tự Đức viết về sông Lợi Nông được tìm thấy trong *Ngự chế thi nhị tập* để góp phần minh chứng cho nhận định nói trên.

ABSTRACT

EMPEROR TỰ ĐỨC'S POEMS ON LỢI NÔNG RIVER (AN CỰU RIVER)

The fact that An Cựu River was renamed Lợi Nông River under the reign of Minh Mạng was not accidental. That clearly expressed the viewpoints, responsibilities and benevolent hearts of the Nguyễn kings in taking care of their people's lives through widening and dredging the river to prevent the drought, flood and develop the waterway network; in addition, that created beauty for the capital city... In regard to literature, the early kings of the Nguyễn Dynasty considered Lợi Nông River as an emotional topic for them to compose poems, each one had his own expression. This article introduces three poems of Emperor Tự Đức written about Lợi Nông River found in *Ngự chế thi nhị tập* (Two Volumes of the Imperial Poems) to justify the above viewpoint.